

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hật.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q – sinh năm 1975, có mặt.

Nơi cư trú: ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Thị L – sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện G1, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2019, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Hồng Q như sau: Ông kết hôn với bà Thị L vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/6/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống cùng gia đình ông ở xã Vĩnh P, huyện G, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ ông tính tình hung dữ không biết nhường nhịn cha mẹ chồng nên vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng ông đã sống ly thân đã hơn 03 tháng nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân với nhau ông xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị L.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 02 người con chung với nhau tên Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 và Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 hiện đang sống chung với bà Thị L.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên ông không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng ông không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng ông ly hôn mà có người kiện đòi nợ chung thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị L.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung là cháu Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý giao con chung là cháu Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị L trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Q về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng bà khắt khe, kiếm chuyện với bà, lúc nào cũng không vừa lòng với bà, bà làm chuyện gì mẹ chồng bà cũng không vừa lòng, mẹ chồng bà còn kêu chồng bà tách hộ khẩu của bà chuyển về nhà cha mẹ ruột, bà cũng nghe theo, vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì với nhau.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Lê Hồng Q bà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Nếu ông Q cương quyết ly hôn thì bà xin được nuôi con chung là Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 và Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013, bà không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hồng Q vẫn cương quyết ly hôn với bà Thị L, ông trình bày thêm nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi, bà L thường hay chửi rửa ông và cha mẹ ông, bà L tính tình nóng nảy không nói lý lẽ nên ghen ông với người khác một cách bừa bãi, thậm chí dùng lời lẽ thô tục chửi ông thậm tệ. Từ lúc vợ chồng ông ly thân cho đến nay bà L không đến xin lỗi cha mẹ ông. Về điều kiện nuôi con ông nhận thấy ông có đủ điều kiện để nuôi con nên ông xin Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 cho ông nuôi dưỡng vì bà L không đủ khả năng nuôi hết 02 người con chung nên ông không đồng ý giao hết hai con cho bà L nuôi dưỡng.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng

đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Lê Hồng Q được ly hôn với bà Thị L. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 cho ông Q nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 cho bà L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của ông Lê Hồng Q và bà Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Hồng Q và bà Thị L kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn trước hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2015, ngày 02 tháng 6 năm 2015, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Q và bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của ông Q và bà L là hôn nhân tự nguyện nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, ông Q cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, vợ ông tính tình hung dữ không biết nhường nhịn cha mẹ chồng nên vợ chồng không hòa hợp, bà L thường chửi rủa ông và cha mẹ ông, bà L tính tình nóng nảy không nói lý lẽ nên ghen ông với người khác một cách bừa bãi, mù quáng, bà L cho rằng vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì với nhau, do mẹ ông Q khó khăn, thường kiếm chuyện với bà và kêu ông Q cắt hộ khẩu của bà chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà, hiện bà còn yêu thương chồng con nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh nơi ông Q và bà L sinh sống thì được biết ở địa phương ông Q và bà L thường xuyên gây gổ làm mất an ninh trật tự ở địa phương, thường nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L gây ra, bà L thỉnh thoảng cãi nhau với mẹ chồng, cho thấy ông Q và bà L có mâu thuẫn với nhau, lời trình bày của ông Q là đúng sự thật. Ngày 25/10/2019 Tòa án đã hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Q cương quyết xin ly hôn với bà L. Tại phiên tòa ông Q tỏ rõ thái độ không còn yêu thương bà L cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q.

[4] Về con chung: Ông Q và bà L có 02 người con chung tên Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 và Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với bà L. Ông Q và bà L đều xin được quyền nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con, hiện nay bà L sống ở nhà cha mẹ ruột, không có tài sản riêng, công việc của bà L đi làm công nhân cả ngày nên không có nhiều thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học. Phía ông Q hiện sống chung với cha mẹ, ông làm nghề nông nên sắp xếp được thời gian chăm sóc con, qua xác minh được biết gia đình ông Q khá giả, ông Q biết lo làm ăn và có điều kiện để nuôi con, hơn nữa hiện nay với mức thu nhập của bà L không đủ khả năng nuôi hai cháu Phương Ng và Phương C nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của ông Q.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q và bà L không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà L đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Hồng Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005749, ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q.

Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Hồng Q và bà Thị L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương Ng – sinh ngày 01/12/2013 cho ông Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lê Thị Phương C – sinh ngày 24/01/2016 cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Ông Q và bà L không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông bà được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Hồng Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí trước đây theo biên lai thu số 0005749, ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang